TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Trang
Bà Đặng Thị Hoàng Anh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không tham dự.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24/5/2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà NGUYỄN THỊ T, sinh ngày 05/4/1983
Quốc tịch: Việt Nam.
Địa chỉ: Ấp AL2, xã TA, huyện VL, tỉnh VL.

2. Bị đơn: Ông LAI VAN H (LAI VĂN H), sinh ngày 14/6/1968
Quốc tịch: C.
Địa chỉ: 319 East 34th Ave Vancouver, BC. V5W.1A2, C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lai Van H tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/01/2014 tại Ủy ban nhân dân tỉnh VL. Sau khi kết hôn, ông H trở về C và sau đó mỗi năm về lại Việt Nam thăm bà T một lần. Đến năm 2018, ông H không trở lại Việt Nam và cũng không liên lạc được với nhau cho đến nay. Do vợ, chồng sống xa cách nhau và không có điều kiện để chung sống với nhau nên dẫn đến tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lai Van H có đăng ký kết hôn ngày 27/01/2014, được Ủy ban nhân dân tỉnh VL cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lai Van H thì bà T là công dân Việt Nam và ông H là người nước ngoài đang định cư tại C nên quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tòa án đã thực hiện thông báo cho ông Lai Van H về thời gian và địa điểm dự phiên tòa trên trang mạng của Ban đối ngoại – Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 07/4/2022 đến ngày 09/4/2022, nhưng ông Lai Van H vắng mặt. Ngày 05/5/2022, bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Sau khi kết hôn, bà T và ông H có khoảng thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2018 ông H trở về C và từ đó không còn liên lạc với bà T cho đến nay. Lẽ ra, về tình nghĩa vợ chồng thì bà T và ông H phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thực tế cho thấy, bà T và ông H không còn chung sống với nhau trong khoảng thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:

Bà Nguyễn Thị T trình bày trong khoảng thời gian chung sống với ông Lai Van H thì vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và Điều 127 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lai Van H (Lai Văn H).

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003345 ngày 20/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên bà T không phải nộp thêm.

[4] Về thời hạn kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lai Van H (Lai Văn H) có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CATAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa